

TÌM HIỂU GIÁO NGHĨA CỦA TỊNH ĐỘ CHÂN TÔNG NHẬT BẢN

Cs. Định Huệ Dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 19-06-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- A. Kết cấu toàn thể của giáo nghĩa Chân Tông : Giáo, Hành, Tín, Chứng
- B. Tín tâm là gốc và vãng sanh thành Phật siêu việt thiện ác
- C. Kẻ ác là đối tượng chánh của pháp môn này

---o0o---

Hệ thống giáo nghĩa Chân Tông được kiến lập qua tác phẩm chủ yếu của ngài Thân Loan (1173-1262) là Giáo Hành Tín Chứng (Đại Chánh Tạng tập 83). Các trứ tác sau này của Ngài chỉ là bổ sung và phát triển quan điểm này từ các phương diện khác. Sau đây chúng tôi xin giới thiệu kết cấu toàn thể hệ thống giáo nghĩa Chân Tông và các đặc điểm của nó.

---o0o---

A. Kết cấu toàn thể của giáo nghĩa Chân Tông : Giáo, Hành, Tín, Chứng

Tịnh Độ Chân Tông vốn là Tịnh Độ giáo đối ứng với “Các giáo thuộc Thánh đạo”, thật ra là chỉ cho Tịnh Độ Tông của ngài Nguyên Không (1133-1212). Về sau nó được dùng chỉ riêng cho tông phái Tịnh Độ do ngài Thân Loan sáng lập. Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản thường được gọi tắt là Chân Tông, nhân vì đề xướng “Chỉ nhất hướng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ”, trên lịch sử cũng đã từng được gọi là Nhất Hướng Tông. Do vì ngài Thân Loan gọi tín đồ là “Ngự môn đồ chúng” nên cũng gọi là Môn Đồ Tông. Đến thời cận đại (1872) mới chính thức gọi là Tịnh Độ Chân Tông.

Trong tác phẩm “Giáo Hành Tín Chứng”, ngài Thân Loan từ bốn phương diện Giáo, Hành, Tín, Chứng đã kiến lập hệ thống giáo nghĩa của Tịnh Độ Chân Tông.

- Giáo tức là giáo pháp, thực ra là chỉ kinh điển chủ yếu dùng để y cứ, cho rằng chỉ có Kinh Vô Lượng Thọ (gọi tắt là Đại Kinh) mới là giáo chân thật của Phật, nghĩa là: “Đức Phật Thích-ca xuất hiện ở thế gian tuyên dương giáo pháp cứu vớt quần sanh, là tông thú của kinh, tức là lấy danh hiệu Phật làm tông chỉ của kinh” (quyển 1). “Bản nguyện Như Lai” nói ở đây tức là nguyện thứ 18 trong 48 lời nguyện của Phật A-di-đà trước khi thành Phật. Nguyện thứ 18: “Nêu tôi thành Phật, chúng sanh ở khắp mười phương chí tâm tin ưa muốn sanh về nước tôi, thậm chí mười niệm, nếu chẳng được sanh thì tôi không thành Chánh giác”. Nguyện này được gọi tắt là “Nguyện niệm Phật vãng sanh”. Trong tác phẩm TUYÊN TRẠCH BẢN NGUYỆN NIỆM PHẬT TẬP, ngài Nguyên Không luận chứng nguyện này là “Vãng sanh bản nguyện”. Nói “Niệm Phật” tức là niệm danh hiệu “Nam mô A-di-đà Phật”. Ngài Thân Loan cho đây là tông chỉ của kinh này.

Ngài Nguyên Không lấy “ba kinh, một luận”¹ làm kinh điển y cứ chính. Ngài Thân Loan tuy kế thừa quan điểm “Niệm Phật vãng sanh bản nguyện” của ngài Nguyên Không đối với Di-đà, nhưng chỉ lấy Kinh Vô Lượng Thọ làm kinh điển y cứ chính, ở dưới tên kinh này đặc biệt ghi chú “Giáo pháp chân thật, Tịnh Độ Chân Tông”.

- Hành tức là tu hành, thực ra là chỉ cho nội dung tu hành, tức xưng niệm danh hiệu “Nam mô A-di-đà Phật”. Ngài Thân Loan nói: “Xưng danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai (tức A-di-đà Phật). Hạnh này nhiếp hết thảy các thiện pháp, đủ các cội gốc công đức, rất mau viên mãn công đức nhất thật chân như quý báu mệnh mông như biển cả, nên gọi là đại hạnh” (quyển 2). Xưng danh niệm Phật là căn cứ vào điều nguyện thứ 17 trong Kinh Vô Lượng Thọ: “Lúc tôi thành Phật, vô lượng chư Phật ở thế giới khắp mười phương nếu chẳng ngợi khen danh hiệu của tôi thì tôi không ở ngôi Chánh giác”. Ngài Thân Loan gọi nguyện này là “nguyện chư Phật xưng dương”, “nguyện chư Phật ngợi khen”, “nguyện tuyên trạch xưng danh”.

Chúng sanh niệm danh hiệu Phật có thể đoạn trừ tất cả vô minh và sanh tử phiền não, thỏa mãn tất cả nguyện vọng. “Xưng danh là chánh nghiệp tối thắng tối diệu. Chánh nghiệp đó là niệm Phật”, “Một niệm tức là một tiếng, một tiếng tức là một niệm, một niệm tức là một hạnh, một hạnh tức là chánh hạnh, chánh hạnh tức là chánh nghiệp, chánh nghiệp tức là chánh niệm,

chánh niệm tức là niệm Phật, là Nam mô A-di-đà Phật” (quyển 2). Đây là lấy miệng xưng cùng tâm niệm đồng thời khởi, dù chỉ trong tâm tưởng đến danh hiệu Di-đà cũng kể là niệm Phật.

Trong TỊNH ĐỘ VẤN LOẠI TỰ SAO giảng càng rõ hơn: “Một tiếng tức là xưng niệm, xưng niệm tức là ức niệm, ức niệm tức là chánh niệm, chánh niệm tức là chánh nghiệp”. Do Phật A-di-đà có bản nguyện nhiếp thủ tất cả chúng sanh niệm Phật vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc, cho nên “Thánh nhân lớn nhỏ, người ác nặng nhẹ” đều có thể nhờ “sức bản nguyện” của Phật mà thông qua niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, “niệm Phật thành Phật”. Ngài nói: “Tha lực là nguyện lực của Như Lai” (quyển 2).

Tự giải tự ngộ, tự tu công đức đều là “tự lực”, Ngài cho rằng thời đại mạt pháp phải nhờ vào tha lực của Phật Di-đà mới có thể vãng sanh giải thoát. Điều này tuy là chủ trương nhất quán của Tịnh Độ giáo, nhưng ngài Thân Loan càng nhấn mạnh đến tín tâm tuyệt đối vào tha lực của bản nguyện A-di-đà. Trên cơ sở đầy đủ tín tâm này lại tu chánh niệm, chánh hạnh niệm Phật thì nhất định được vãng sanh, thành Phật, đó là “chóng đến cõi nước quang minh vô lượng, chứng đại bát niết-bàn” (quyển 2).

- Tín là chỉ cho tín tâm tuyệt đối với điều nguyện thứ 18 (Vãng sanh bản nguyện) của Phật A-di-đà trong Kinh Vô Lượng Thọ. Điều nguyện này của Phật A-di-đà là “Tuyển trạch bản nguyện”, cũng gọi là “nguyện chí tâm tín nhạo”, “nguyện vãng tướng tín tâm”, đây là một điều nguyện quan trọng nhất trong 48 lời nguyện của Phật A-di-đà. Tin Phật một cách chí thành vô hạn, vui mừng phát nguyện sanh về Tịnh độ Cực Lạc ở Tây Phương, tín tâm này tương thông với bản nguyện của Phật A-di-đà, nhờ đó có thể nhờ vào tha lực của Phật mà vãng sanh Tịnh độ, chứng đại niết-bàn. Vì thế, gọi tín tâm này là “đại tín tâm”, là “phương thuốc trường sinh bất lão”, là “nghệ thuật xảo diệu hân tịnh yếm ược”, là “trực tâm tuyển trạch hồi hướng”, là “tín nhạo lợi tha sâu rộng”, là “chân tâm kim cương bất hoại”, là “tịnh tín để vãng sanh mà không có người tu”..., là “con đường tắt thế gian khó tin”, là “nhân chân chánh chứng đại bát niết-bàn” (quyển 3).

Về quan hệ Tín và Hành, Ngài nói: “Tín tâm chân thật ắt có đủ danh hiệu, danh hiệu chưa chắc có đủ tín tâm vào nguyện lực” (quyển 3), ý nói có tín tâm đối với Tịnh độ và nguyện lực của Phật A-di-đà thì cũng là có đủ hạnh xưng niệm danh hiệu A-di-đà. Nhưng chỉ niệm danh hiệu, không nhất định là có tín tâm này. Và lại, tu hạnh xưng niệm Phật chỉ là một cách sinh

ra tín tâm, thông qua xưng niệm danh hiệu có thể sanh ra tín tâm tuyệt đối đối với nguyện lực của Phật A-di-đà.

Ngài Thân Loan dẫn Kinh Vô Lượng Thọ: “Các chúng sanh nghe danh hiệu Phật A-di-đà tín tâm hoan hỷ”. Giải thích: “Chúng sanh nghe bản nguyện của Phật sanh khởi lòng tin trước sau không nghi, ấy gọi là nghe. Tín tâm nghĩa là tín tâm hồi hướng bản nguyện lực” (quyển 3). Đây là do nghe nói đến nguyện nhân Phật A-di-đà phát nguyện thì sẽ tin sâu chẳng nghi đối với “bản nguyện lực” của Phật A-di-đà, nhờ đó mà có đủ tín tâm đối với tha lực Di-đà. Ngài cho rằng cái nhân vãng sanh Tịnh độ không phải là hạnh xưng niệm danh hiệu Phật mà chính là tín tâm, là tín cho nên nói: “Tín tâm là không hai tâm, nên nói là nhất niệm, cũng gọi là nhất tâm, nhất tâm là nhân chân thật của báo độ thanh tịnh”.

Một niệm vãng sanh tức là chuyên tâm. Chuyên tâm tức là thâm tâm. Thâm tâm tức là thâm tín. Thâm tín tức là kiên cố thâm tín. Kiên cố thâm tín tức là quyết định tâm. Quyết định tâm tức là vô thượng tâm. Vô thượng tâm tức là chân tâm. Chân tâm tức là tương tục tâm. Tương tục tâm tức là thuần tâm. Thuần tâm tức là ức niệm. Ưc niệm tức là chân thật nhất tâm. Chân thật nhất tâm tức là đại khánh hỷ tâm. Đại khánh hỷ tâm tức là chân thật tín tâm. Chân thật tín tâm tức là kim cương tâm. Kim cương tâm tức là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật tức là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh tức là tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh về Tịnh độ An Lạc. Tâm này tức tâm đại Bồ-đề. Tâm này là tâm đại từ bi. Tâm này do trí huệ quang minh vô lượng sanh, cho nên nguyện hải bình đẳng. Nguyện hải bình đẳng nên phát tâm bình đẳng. Phát tâm bình đẳng nên đạo bình đẳng. Đạo bình đẳng nên đại từ bi bình đẳng. Đại từ bi bình đẳng là chánh nhân thành Phật” (quyển 3).

Một niệm muốn vãng sanh Tịnh độ Di-đà chính là “chân thật tín tâm” của sự vãng sanh, chính là “tâm nguyện làm Phật”..., là “chánh nhân thành Phật”. Một niệm có tính quyết định tức là “nhất niệm tịnh tín”, là nguyên nhân căn bản của sự vãng sanh và thành Phật. Về sau, trong nội bộ Chân Tông gọi đó là “tín tâm là gốc”.

Ngài Thân Loan còn chủ trương, sau khi một người đã xây dựng được tín tâm đối với nguyện lực Di-đà vẫn phải xưng niệm danh hiệu Di-đà. Sự xưng niệm này tuy chẳng phải là chánh nhân đưa đến vãng sanh Tịnh Độ, nhưng là biểu thị sự báo đáp ân Phật, nên Ngài nói: “Cần phải thường xuyên xưng

niệm danh hiệu Như Lai để báo đáp ân từ bi hoằng thệ của Phật A-di-đà” (quyển 2).

- Chứng tức là kết quả tu hành, là cảnh giới đạt đến. Ngài nói, bất cứ người nào “không phân biệt sang hèn, tăng tục, nam nữ, già trẻ, không luận tạo tội nhiều ít, tu hành bao lâu” (quyển 3), chỉ cần có đủ tín tâm tuyệt đối với Tịnh độ và nguyện lực của Phật A-di-đà, sau khi chết liền được “nhập vào hàng ngũ Đại thừa chánh định tụ (tức là đạt đến địa vị Bất thoái chuyển của Bồ-tát). Vì trụ chánh định tụ ắt đến diệt độ. Ắt đến diệt độ tức là thường lạc. Thường lạc tức là tất cánh tịch diệt. Tịch diệt tức vô thượng niết-bàn. Vô thượng niết-bàn tức pháp thân vô vi (quyển 4). Tịnh độ An Lạc là “Vô lượng quang minh độ”, “chân báo Phật độ” (quyển 5). Vãng sanh Tịnh Độ tức là đạt đến triệt để giải thoát thành Phật. Ngài Thân Loan minh xác chủ trương vãng sanh tức là thành Phật.

Ngài Thân Loan cho rằng Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Quán Kinh, Ngài gọi là “Yếu môn”) và Kinh A-di-đà (Tiểu Kinh, Ngài gọi là “Chân môn”) đều là Tịnh Độ giáo thuộc “phương tiện”, “tự lực giả môn”. Chỉ có Kinh Vô Lượng Thọ mới là giáo chân thật tuyên thuyết bản nguyện tha lực Di-đà. Nhưng Ngài lại nói: “Ba kinh đều do Đức Phật Thích-ca tự thuyết”, “đều lấy kim cương tâm, chân tâm làm trọng yếu. Chân tâm tức là đại tín tâm”, “đại cương của ba kinh này tuy có nghĩa hiển bày và nghĩa ẩn mật, nhưng cũng đều nói tín tâm là động cơ thể nhập” (quyển 6). Ba kinh đều nhất trí khuyên chúng sanh niệm Phật và đều dạy dùng tín tâm để vãng sanh Tịnh độ. Vì thế dù đối với Quán Kinh hay Tiểu Kinh cũng cần phải thấu qua văn tự mà nhận thức chân ý ẩn tàng trong đó để kiến lập tín tâm tuyệt đối với nguyện lực Di-đà.

Năm 1255, ngài Thân Loan, sau khi trở về kinh đô, trứ tác Ngũ Góc Sao 2 quyển, Trong tác phẩm này, Ngài đề xuất lý luận phán giáo của mình, tức là phân loại bình luận toàn bộ Phật pháp. Ngài đem Phật pháp chia thành hai giáo: Đại thừa và Tiểu thừa. Lại chia Đại thừa làm Nan hành đạo (tức là tự lực Thánh đạo môn) và Dị hành đạo (tức là tha lực Tịnh độ môn). Tự lực Thánh đạo môn được chia làm Tiệm giáo và Đốn giáo, Ngài lại dùng các từ vựng “Thụ”, “Hoành”, “Thụ xuất”, Thụ siêu”, “Hoành xuất”, “Hoành siêu” để tiến hành bình luận về toàn bộ Phật pháp.

- Thụ là chỉ cho trình tự tu hành trước sau cạn sâu.

- Hoành là không có trình tự thứ lớp.

- Xuất là xuất ly tam giới đạt đến giải thoát.
- Siêu là đạt ngay đến cảnh giới giác ngộ tối cao.

Ngài Thân Loan dùng “Thụ” đại biểu cho Thánh đạo môn, dùng “Hoành” đại biểu cho Tịnh Độ môn.

“Thụ xuất” là chỉ cho tiệm giáo trong Thánh đạo môn như Pháp Tướng tông ... chủ trương “quyền giáo” phải trải qua nhiều kiếp tu hành.

“Thụ siêu” là chỉ cho đốn giáo trong Thánh đạo môn như Hoa Nghiêm tông, Thiên Thai tông, Thiền tông ... chủ trương “thật giáo” ngay nơi thân này là Phật, ngay thân này thành Phật.

“Hoành xuất” là “tự lực phương tiện giả môn” trong tha lực Tịnh Độ môn, chỉ cho giáo pháp nói phải tu thiện công đức và chín phẩm vãng sanh trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

“Hoành siêu” là giáo pháp chân thật của “tuyên trách bản nguyện” trong tha lực Tịnh Độ môn, tức là giáo pháp nói về vãng sanh báo độ trong Kinh Vô Lượng Thọ.

“Hoành xuất” là tiệm giáo trong Tịnh Độ môn. “Hoành siêu” là đốn giáo trong Tịnh Độ môn. Sự phán giáo này đề cao địa vị Kinh Vô Lượng Thọ và luận thuyết của Ngài Thân Loan về tín tâm tuyệt đối đối với tha lực Di-đà là giáo thuyết căn bản của việc vãng sanh thành Phật.

---o0o---

B. Tín tâm là gốc và vãng sanh thành Phật siêu việt thiện ác

Lý luận thiện ác báo ứng rất phổ biến trong truyền thống Phật giáo, cũng như giáo nghĩa có ảnh hưởng rất lớn trong dân gian. Theo lý luận này, người hành thiện tích đức đời sau sẽ được báo ứng tốt đẹp (sanh lên trời hoặc sanh vào nhà giàu sang ở nhân gian), kẻ làm ác tạo tội bị báo ứng xấu (sanh làm súc sanh hoặc đọa địa ngục...). Trong điều kiện lịch sử đương thời, lý luận này kết hợp với luân lý của xã hội đưa đến tác dụng thưởng thiện phạt ác. Tại nội bộ Phật giáo, lý luận thiện ác báo ứng là giáo nghĩa thuộc tầng bậc thấp hướng đến số đông tín đồ bình dân. Ngoài ra, mỗi tông phái Tiểu thừa hoặc Đại thừa còn có một hệ thống giáo nghĩa tu hành giải thoát mang tính triết học tư biện ở tầng bậc sâu hơn. Tịnh Độ tông đem các

giáo phái và giáo nghĩa của Phật giáo trước đó gọi chung là Thánh đạo môn “tự lực”, “nan hành”, đề cao vai trò của “chuyên tu niệm Phật” vãng sanh Tịnh độ (giải thoát). Điều này tuy phủ định đối với các luận điểm sự tu hành giải thoát của Phật giáo trước kia và thiện ác báo ứng, nhưng vẫn chủ trương niệm Phật tiêu tội như đã nói: “Xung niệm một tiếng Phật liền trừ năm trăm vạn kiếp tội”. Tịnh Độ Chân Tông lại tiến thêm một bước cho rằng vãng sanh tức thành Phật) không có quan hệ gì đến hành vi thiện ác, mà do tín tâm đối với nguyện lực Di-đà quyết định, nên cho rằng niệm Phật tiêu tội thuộc về “tự lực” và phủ định nó.

Tư tưởng của Thân Loan cho rằng tín tâm tuyệt đối đối với bản nguyện Di-đà là “nội nhân”, là “chân nhân”, là “chánh nhân” vãng sanh thành Phật. Vãng sanh thành Phật đã do tín tâm quyết định vậy thì không quan hệ gì đến thiện ác của cá nhân.

Ngài Thân Loan nói: “Bản nguyện Di-đà không phân biệt người già, trẻ, kẻ thiện, ác. Phải biết tín tâm là cội gốc. Mục đích của bản nguyện Di-đà là cứu vớt chúng sanh tội ác sâu nặng, phiền não lầy lừng. Nếu như tin bản nguyện Phật thì không cần thiện hạnh khác. Không có thiện hạnh nào hơn niệm Phật. Chẳng cần sợ ác hạnh, vì nó không ngăn ngại được bản nguyện Di-đà, làm trở ngại chúng sanh ác hạnh vãng sanh” (THÁN DỊ SAO). “Người phát được nhất niệm hỷ ái tâm (tức là tâm niệm nguyện vãng sanh Tịnh độ) chẳng đoạn phiền não mà đắc niết-bàn”. (GIÁO HÀNH TÍN CHÚNG, quyển 2). “Bất luận người chết dù thiện hay ác, hễ có tín tâm quyết định thì người ấy ắt trụ chánh định tự” (nghĩa là trụ Bất thoái chuyển, ngài Thân Loan giải là “trương đương với Phật vị”) (MẬT ĐĂNG SAO).

Ngài Thân Loan chủ trương tín tâm vãng sanh, nói cho cùng cũng là do Di-đà ban cho, vì tương thông với bản nguyện Di-đà nên có sức bất tư nghì. Người có đủ tín tâm này, sau khi chết thần thức có thể “hoành siêu ngũ thú, bát nạn”, “tức thì nhập vào hàng ngũ Đại thừa chánh định tự”, tức là vãng sanh thành Phật. Tín tâm này cũng một loại với bản nguyện Di-đà đã siêu việt thiện ác, chính tà của xã hội thế gian. Niệm Phật được xây dựng trên cơ sở tín tâm này là “phi thiện, phi ác, phi đốn, phi tiệm, phi định, phi tán, phi chánh quán, phi tà quán, phi hữu niệm, phi vô niệm, phi bình thường, phi lâm chung, phi đa niệm, phi nhất niệm, chỉ là niềm tin chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể lường, chẳng thể nói”. (GIÁO HÀNH TÍN CHÚNG, quyển 3). “Niệm Phật lấy vô nghĩa làm nghĩa, chẳng thể lường, chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ bàn” (THÁN DỊ SAO).

Ngài Thân Loan có lúc gọi pháp Niệm Phật vãng sanh tin tuyệt đối vào tha lực này là “tự nhiên pháp nhĩ” (MẬT ĐĂNG SAO). Mục đích của giáo thuyết này là để củng cố vững vàng lòng tin của chúng ta đối với Phật A-di-đà cùng bản nguyện Tịnh độ của Ngài, mà không cần phải lo nghĩ đến dĩ vãng của mình và các hành vi thiện ác từ nay về sau. Ngài Thân Loan thậm chí còn nói: “Hành giả có đủ tín tâm thì thiên thần địa kỳ kính phục, ma giới ngoại đạo chẳng thể chướng ngại, tuy có tội ác cũng chẳng thể thọ nghiệp báo”, “dầu giết vạn người cũng có thể vãng sanh” (THÁN DỊ SAO). Cho rằng hành vi thiện ác là do nghiệp đời trước quyết định, làm thiện không trợ giúp cho việc vãng sanh, làm ác cũng không chướng ngại vãng sanh. Theo các tài liệu để lại ([1]) có một số tín đồ căn cứ vào lời nói này rồi “chuyên ý lại bản nguyện”, tuyên truyền “tạo ác vô ngại”. Ngài Thân Loan phản đối bọn người này, và Ngài nói, làm ác sẽ làm chướng ngại người khác niệm Phật, sẽ bị luật pháp của Nhà Nước trừng trị và người đời phản đối, còn đối với Chân Tông thì “như trùng trên thân sư tử trở lại ăn thịt sư tử”.

Ngài Thân Loan chú trọng vào tín ngưỡng tuyệt đối với tha lực bản nguyện Di-đà, nên xếp pháp tu “niệm Phật tiêu tội” vào loại tu hành “tự lực”, cũng là biểu thị sự phản đối của Thân Loan đối với quan điểm “niệm một tiếng Phật tiêu tán mười ức kiếp tội nặng”. Ngài cho rằng quan điểm này không làm cho chúng ta kiến lập được tín tâm vãng sanh, nên vẫn thuộc về tin “tâm của tự lực”, chứ “chẳng phải tín tâm của tha lực”. Ngài nói nếu như tin ở bản nguyện “nhiếp thủ chẳng bỏ” của Di-đà, thì dù cho “phạm nhiều tội nghiệp lúc lâm chung không niệm Phật cũng có thể cấp tốc vãng sanh”. Ngài còn nói, người đã có tín tâm đối với bản nguyện Di-đà “một đời niệm Phật chỉ vì báo ân Như Lai, cảm tạ ân đức Như Lai”. Từ quan điểm này, chúng ta có thể thấy sự khác biệt của Chân Tông và Tịnh Độ Tông của ngài Nguyên Không chủ trương “niệm Phật càng nhiều càng tốt”.

---o0o---

C. Kẻ ác là đối tượng chánh của pháp môn này

Không luận là Tịnh Độ tông Trung Quốc hay Nhật Bản đều nhấn mạnh “kẻ ác” có thể thông qua niệm Phật mà sau khi chết vãng sanh Tịnh độ. Trong giáo thuyết của Phật giáo có thập thiện tương đương với các nguyên tắc luân lý thế gian, đó là “chẳng sát sanh, chẳng tà dâm, chẳng trộm cắp, chẳng nói dối, chẳng nói lời chia rẽ, chẳng nói lời thô ác chửi rủa, chẳng nói lời ngọt ngào dụ dỗ người khác, chẳng tham dục, chẳng giận hờn, chẳng tà kiến” (không tin nhân quả và các lời Phật dạy khác), trái ngược với

mười điều vừa kể trên là thập ác. Người nào làm thập thiện được gọi là “người thiện”, kẻ nào vi phạm bị gọi là “kẻ ác”. Mức độ vi phạm thập thiện bất đồng nên mức độ làm ác của kẻ ác cũng khác, tội ác nặng nhất là kẻ ác phạm tội “ngũ nghịch”, tức là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, hại Phật, phá hoại Tăng đoàn. Kẻ mà Tịnh Độ tông gọi là “phàm phu tội ác sinh tử”, “nhất thiết phạm phu tạo tội” là chỉ chung cho kẻ phạm tội thập ác, ngũ nghịch, cũng gọi là “kẻ ác”. Cũng có lúc gọi riêng kẻ phạm tội ngũ nghịch là “người mang tội nặng ngũ nghịch”, “kẻ cực ác thấp hèn nhất”.

Tịnh Độ tông chủ trương tất cả kẻ ác phạm tội nặng nhẹ đều có thể thông qua niệm Phật mà diệt tội vãng sanh Tịnh độ (Xem TUYÊN TRẠCH BẢN NGUYỄN NIỆM PHẬT TẬP). Tịnh Độ tông nói “kẻ ác”, “phàm phu tội ác” thực tế là chỉ cho những hạng người trong các tầng lớp xã hội như nông dân, ngư dân, thợ săn, võ sĩ cho đến cả giai cấp thống trị. Những hạng người này là đối tượng của Tịnh Độ tông.

So với Tịnh Độ tông, Tịnh Độ Chân Tông càng xem trọng truyền giáo trong quảng đại quần chúng ở hạ tầng, lấy tất cả “phàm phu”, “kẻ ác” làm đối tượng tranh thủ. Về phương diện này, thuyết “ác nhân chánh cơ” của Thân Loan rất đặc sắc. Trong THÁN DỊ SAO, ngài Thân Loan nói: “Người thiện còn có thể vãng sanh hà huống kẻ ác!” Nhưng người đời thường nói: Kẻ ác còn có thể vãng sanh hà huống người thiện. Lời nói này tuy thấy dường như hữu lý, nhưng ý thì trái với tha lực bản nguyện. Bởi vì người tự lực làm thiện, không có tâm nương nhờ vào tha lực, chẳng phải được nguyện lực Di-đà nhiếp thủ, nhưng nếu như đột nhiên người ấy hiểu ra và bỏ tâm tự lực mà nương nhờ vào tha lực bản nguyện Di-đà thì chắc chắn vãng sanh về báo độ chân thật. Chúng ta có đủ thứ phiền não, tu hành cỡ nào cũng đều chẳng thể thoát ly sanh tử. Di-đà xót thương, bản ý phát nguyện rộng lớn của Ngài chính vì khiến kẻ ác thành Phật. Như vậy, kẻ ác tin tưởng dựa vào tha lực vốn là chánh nhân vãng sanh, cho nên nói “người thiện còn có thể vãng sanh hà huống kẻ ác”.

Trong KHẨU TRUYỀN SAO quyển hạ của Giáo Như (1270-1351) có dẫn lời của Như Tín (1239-1300) giải thích câu: “người thiện còn có thể vãng sanh hà huống kẻ ác” như sau:

“Phàm phu ác là chánh, phàm phu thiện là phụ. Phàm phu thiện thuộc đối tượng phụ còn có thể vãng sanh thì phàm phu ác thuộc đối tượng chánh há chẳng thể vãng sanh ư? Cho nên nói: Người thiện còn có thể vãng sanh hà huống kẻ ác”.

Những điều trích dẫn trên có mấy tầng ý nghĩa như sau:

1.Chân Tông chủ trương “tín tâm là gốc”, hễ có tín tâm đối với tha lực bản nguyện Di-đà tất nhiên có thể vãng sanh thành Phật, bất luận là người có tín tâm ấy là người thiện hay kẻ ác.

2.Người thiện do vì tự ý lại hành thiện, chứa nhóm công đức, cho rằng có thể dựa vào chính mình tu hành đạt đến giải thoát mà chẳng tin vào bản nguyện tha lực Di-đà (không có tâm nương nhờ tha lực), nên chẳng phải là đối tượng của Phật Di-đà phát nguyện cứu độ. Nếu như người ấy thay đổi, trở lại tin tha lực bản nguyện Di-đà thì cũng có thể vãng sanh thành Phật.

3.Kẻ ác không thể dựa vào tự lực tu hành đạt đến giải thoát, duy có lòng tin chân thật và nương nhờ vào tha lực bản nguyện Di-đà, kẻ ấy mới có thể giải thoát, vì thế nên kẻ ác mới là đối tượng mà Phật Di-đà phát nguyện cần phải cứu độ.

4.Do vì kẻ ác là đối tượng chính của việc vãng sanh, còn người thiện là đối tượng phụ, vì là người phụ thuộc, nên người thiện nếu có thể vãng sanh thì kẻ ác càng có thể vãng sanh.

Ý nghĩa của quan điểm lấy kẻ ác làm đối tượng chính vãng sanh là: Tịnh Độ Chân Tông lấy quần chúng bình dân trong xã hội bao quát nông dân, ngư dân, thợ săn, cho đến lái buôn, võ sĩ làm đối tượng, những người này trong hoạt động sản xuất nuôi, trồng, săn bắn, không thể không làm tổn thương hoặc giết hại sinh linh, vả lại đại đa số những người nghèo khổ, không có văn hóa, không có điều kiện bố thí tiền của, cất chùa, dựng tháp ..., hoặc không có năng lực, không có thời gian hành thiện tu hành, theo quan điểm của truyền thống Phật giáo thì phần đông họ là “kẻ ác”. Ngài Thân Loan đặt mình vào hàng ngũ “kẻ ác”, Ngài thường tự xưng “ngu ngốc”, “cấu chương phạm ngu”, “người mang đủ thứ phiền não”, “tội nhân” ... Đây là cách Ngài tiếp cận dân chúng, cũng làm cho giáo thuyết của Ngài dễ dàng được dân chúng tiếp nhận. Ngài cũng đã từng nói với các đệ tử: Các nghề nghiệp người đời làm “ở sông biển thì giăng lưới thả câu, ở núi rừng thì săn bắn chim thú để tự nuôi sống hoặc buôn bán, làm ruộng để sinh nhai” đều là do nghiệp nhân đời trước quyết định. Các hành vi thiện ác của chúng ta đều do túc nghiệp (nghiệp nhân đời trước) quyết định, nhưng vãng sanh Tịnh độ thành Phật là do tín tâm đối với nguyện lực Di-đà quyết định. Có tín tâm này thì có thể “Chẳng đoạn phiền não mà thành Phật”.

Ngài phê bình người truyền pháp chủ trương chỉ có người thiện mới có thể niệm Phật vãng sanh, ở tại đạo tràng dán thông cáo không cho một số người làm nghề nghiệp nào đó được vào, Ngài cho đây là “ngoài hiện tượng tinh tấn hiền thiện mà bên trong giả dối” (THÁN DỊ SAO). Giáo thuyết của ngài Thân Loan đem lại hy vọng vãng sanh và thành Phật cho số đông dân chúng ở tầng lớp thấp kém trong xã hội. Phương pháp tu hành lại giản đơn dễ thực hành, cho nên mau chóng có được rất đông tín đồ trong dân chúng tầng lớp dưới như nông dân, ngư dân ... quy y. Tịnh Độ tông Trung Quốc và Nhật Bản trước kia, tuy cũng có nói đến kẻ ác có thể vãng sanh giải thoát, nhưng do chịu sự chế ước của nguyên văn kinh điển Tịnh Độ tông và quan niệm luân lý truyền thống của xã hội, ảnh hưởng của giáo nghĩa Phật giáo vốn sẵn có, nên vẫn cho rằng người thiện vãng sanh là đối tượng chánh. Trong QUÁN NIỆM PHÁP MÔN, ngài Thiện Đạo (613-681) nói: “Tất cả phạm phu tội ác còn nhờ tội diệt mà được vãng sanh, hà huống Thánh nhân (chỉ cho người tu hành đặc đạo hoặc người thiện) nguyện sanh mà không được vãng sanh ư?”

Ngài Nguyên Không (1133-1212) cũng nói tương tự như thế, HẮC CỐC THƯỢNG NHÂN NGŨ ĐĂNG LỤC quyển 14 ghi: “Kẻ phạm tội thập ác ngũ nghịch có tín tâm còn được vãng sanh, thì người phạm tội nhẹ do đây suy ra mà biết. Kẻ tội ác còn có thể vãng sanh hà huống người thiện!”

Các Ngài lấy “Thánh nhân”, “người thiện” là đối tượng chánh, làm chủ thể việc vãng sanh, kẻ ác là đối tượng phụ, là phụ thuộc. Do vì trọng điểm truyền giáo của ngài Thân Loan là quảng đại quần chúng ở hạ tầng xã hội, nên Ngài cải biến quan điểm của các ngài Thiện Đạo, Nguyên Không, đề xuất thuyết “Kẻ ác là đối tượng chính của việc vãng sanh”. Ngoài ra, dùng giáo nghĩa này để truyền giáo cũng tự nhiên có tác dụng hấp dẫn giai cấp võ sĩ lấy chinh chiến sát phạt làm sự nghiệp.

Tịnh Độ Chân Tông sau khi sáng lập liền phát triển nhanh chóng, từ thế kỷ 15 về sau trở thành một tông phái lớn mạnh có nhiều tín đồ nông dân. Do đó, trong các sách viết về lịch sử Phật giáo đều xem Tịnh Độ Chân Tông là một tông phái Phật giáo độc lập.

(Trích dịch từ NHẬT BẢN PHẬT GIÁO SỬ của Dương Tăng Văn)

Xem thư đáp Từ Tín Phòng (trong THÂN LOAN THÁNH NHÂN NGŨ TIÊU TỨC TẬP).

---o0o---

HẾT

¹ . * Ba kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, A-di-đà Kinh.

* Một luận: Vãng Sanh Luận của ngài Thế Thân.